

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày 10 - 4- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Trung Hiếu

Ông Hà Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Hà Đình Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị D (tên gọi khác D1), sinh ngày 03 tháng 02 năm 1970 tại tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 46, phường DH, Thành Phố YB, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; có chồng là Phạm Thái H (đã ly hôn) và có 02 con; (con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1999); tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 107/2010/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2010 Tòa án nhân dân Thành Phố YB xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị bắt tạm giữ ngày 05 tháng 11 năm 2017, tạm giam ngày 06 tháng 11 năm 2017, hiện Tạm giam, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Trần Thị H, sinh ngày 06 tháng 08 năm 1972 tại tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 46, phường DH, Thành Phố YB, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn M và bà Nguyễn Thị B; có chồng là Nguyễn Văn K (đã chết) và có 01 con sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 04 tháng 11 năm 2017, tạm giam ngày 06 tháng 11 năm 2017, hiện Tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị D: Ông Phạm Q1 - Luật sư của Văn phòng Luật sư Q V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái, có mặt.

Người có quyền lợi liên quan: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Tổ 46, phường DH, Thành Phố YB, tỉnh Yên Bái, có mặt.

NỘI D V U Á N:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 40 phút ngày 04/11/2017 tại khu vực tổ 36A, Phường YT, Thành Phố YB, tỉnh Yên Bái. Công an Thành Phố YB bắt quả tang tại nền đất nơi Trần Thị H đang ngồi 01 túi nilon màu trắng bên trong có 02 cục chất bột nén màu trắng được cuộn bằng băng dính màu đen. Trần Thị H khai đó là Heroine của chị gái Trần Thị D, nhờ H cất giữ hộ, hiện đang cùng bạn hát tại quán karaoke Bằng Lăng Tím 3 ngay gần đó. Kiểm tra thu giữ của H 01 túi xách màu đen bên trong có 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị H.

Tiến hành kiểm tra tại phòng 203 quán karaoke Bằng Lăng Tím 3 thuộc tổ 36B, Phường YT, Thành Phố YB. Tại đây có mặt Trần Thị D trú tại tổ 46, phường DH, Thành Phố YB, tỉnh Yên Bái; Nguyễn Thị Th, Lương Mạnh C cùng trú tại tổ 54, Phường DH, Thành Phố YB; Đinh Thị X trú tại xã DC, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; Kim Văn M trú tại xã TN, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; Phan Thị P trú tại xã NH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành Phố YB đã thu giữ của Trần Thị D 01 túi xách, 01 điện thoại, 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị D, 15.485.000 (mười lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn) đồng và 01 xe mô tô; thu giữ của Nguyễn Thị Th 01 điện thoại di động; Thu giữ của Đinh Thị X 01 điện thoại di động, 7.350.500 (bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn năm trăm) đồng và 05 tờ tiền có chữ nước ngoài; Thu giữ của Kim Văn M 11.965.000 (mười một triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, 01 điện thoại di động và 01 xe ô tô; Thu giữ của Phan Thị P 01 điện thoại di động, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phan Thị P và 161.205.000 (một trăm sáu mươi triệu hai trăm linh năm nghìn) đồng.

Tiến hành khám xét nơi ở của Trần Thị H tại tổ 19, Thị trấn YYB, tỉnh Yên Bái đã thu giữ tại túi áo khoác để trên nệm nhà tại phòng ngủ của H số tiền 10.000.000

(mười triệu) đồng.

Tại bản kết luận giám định số: 211/GĐMT ngày 10/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Chất bột nén màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Trần Thị H có tổng trọng lượng là 37,56 gam là ma túy, loại Heroine.

Tại bản kết luận giám định số: 240/KLGĐ ngày 06/11/2017 và số 241/KLGĐ ngày 10/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Số tiền 198.505.500 (một trăm chín mươi tám triệu năm trăm linh năm nghìn năm trăm) đồng và 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Trần Thị D khai nhận: Vào khoảng tháng 9/2017, D gặp HH1 ở khu vực ngã ba Cát Lem, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. HH1 nói với D có biết ai cần mua Heroine thì HH1 đưa cho bán, rồi HH1 lấy số điện thoại của D. Trưa ngày 04/11/2017 HH1 điện thoại cho D hỏi có nhà không để HH1 sang, D trả lời không có. Đến khoảng 18 giờ khi D chở mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị B từ tổ 46, phường DH, Thành Phố YB về nhà ở tổ 19, thị trấn YYB, huyện YYB, tỉnh Yên Bái. Do không có chìa khóa nên D gọi điện thoại cho Trần Thị H là em gái D mang chìa khóa về mở cửa, H về mở cửa, bà B và H đi vào trong nhà, còn D ngồi trên xe máy ở ngoài cổng, tại đây D gặp HH1 và HH1 đưa cho D 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 02 cục Heroine được cuốn bằng băng dính màu đen. D đưa cho HH1 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, HH1 cầm tiền và đi đâu D không biết. Lúc này Trần Thị H đi từ trong nhà ra, D đưa cho H gói Heroine vừa mua được và bảo “cất giấu hộ chị”, H cầm và để vào túi xách đang đeo bên người, H biết đó là ma túy, vì D đã đi tù về tội ma túy, nhưng vì là chị em ruột nên H đồng ý cầm hộ và cho vào túi sách màu đen đeo bên người, nếu không cầm hộ thì sợ mẹ biết. Sau đó D, H và bà B đi vào nhà hàng Ruby tại tổ 19 thị trấn YYB để ăn tối. Trước đó Trần Thị D và Nguyễn Thị Th đã gặp Kim Văn M, Phan Thị P, Đinh Thị X là người quen của D tại khu vực cổng trào thuộc huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc, D mời những người này lên Yên Bái chơi và mọi người đồng ý. Nhưng do buổi chiều hôm đó D bận nên nhờ Nguyễn Thị Th đưa M, P, X đi ăn cơm và hát karaoke. Đến 21 giờ D chở H ra quán karaoke Bằng Lăng Tím 3, D lên phòng hát 203 có M, Thả, X và P đang hát ở đó, còn H đi sang đường đón xe về nhà thì bị Công an kiểm tra bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng.

Quá trình điều tra đã xác định Nguyễn Thị Th, Lương Mạnh C, Đinh Thị X, Kim Văn M, Phan Thị P không liên quan đến hành vi phạm tội của D và H nên đã trả lại toàn bộ số tài sản đồ vật đã thu giữ của những người này.

Tại bản cáo trạng số 04/KSĐT-TA ngày 07/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Trần Thị D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Trần Thị H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo qui định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Trần Thị H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trần Thị D; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trần Thị H. Xử phạt bị cáo Trần Thị D từ 15 năm đến 16 năm tù; xử phạt Trần Thị H từ 10 năm đến 11 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo ;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định; trả lại cho các bị cáo chứng minh nhân dân, điện thoại di động và số tiền đã thu giữ của các bị cáo vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên; không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư trình bày lời bào chữa cho bị cáo Trần Thị D: Nhất trí với nội D cáo trạng truy tố đối với bị cáo Trần Thị D về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo; bố, mẹ bị cáo là người có công được tặng thưởng Huân chương kháng chiến là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Trần Thị D đã nhận biết được tội của mình, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình; bị cáo Trần Thị H do không hiểu biết đã chót cầm hộ ma túy cho bị cáo D, tại cơ quan điều tra đã khai báo trung thực, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành Phố YB, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố YB, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và người bào chữa cho các bị

cáo chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo D và các bị cáo không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của vụ án, các kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04 tháng 11 năm 2017 tại cổng nhà bà Nguyễn Thị B (là mẹ của các bị cáo D và H) thuộc tổ 19 thị trấn YYB, huyện YYB, tỉnh Yên Bái, Trần Thị D đã đưa cho Trần Thị H 01 gói ma túy, loại Heroine có khối lượng 37,56 gam nhờ H cất giấu hộ. Gói ma túy này D mua của một người đàn ông không quen biết tên HH1 nhằm mục đích để bán. Hành vi của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của con người và còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị coi là tội phạm, nhưng do hám lời nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị D đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với bị cáo Trần Thị H khi được bị cáo Trần Thị D đưa cho gói ma túy loại Heroine có khối lượng 37,56 gam và nói nhờ H cất giấu hộ. Mặc dù bị cáo D không nói cho bị cáo H biết đó là ma túy nhưng bị cáo H nhận thức và biết được đó là ma túy vì trước đó D đã bị đi tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Vì là quan hệ chị em ruột và sợ bị mẹ là bà Nguyễn Thị B biết nên đã cầm và cất giấu hộ D. Hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước. Bị cáo H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi cất giữ ma túy hộ bị cáo D là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo không biết được việc D nhờ cất giấu hộ ma túy để D nhằm mục đích mua bán. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị H đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Hành vi phạm tội của bị cáo H xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 và theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có khung hình phạt nhẹ hơn so với điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018. Vì vậy, đối với bị cáo H cần áp dụng điều luật của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành.

[3] Bị cáo Trần Thị D đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được

xóa án tích nay lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý. Nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo H tỏ ra ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng đối với bị cáo Trần Thị D, năm 2010 bị Tòa án Thành Phố YB xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do đó, bị cáo D không được coi là ăn năn hối cải. Ngoài ra, các bị cáo đều có bố, mẹ là người có công được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến. Đây được coi là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết tăng nặng (đối với bị cáo D) và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thấy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như việc răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Bị cáo Trần Thị D thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích kiếm lời nhưng hiện tại bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì; bị cáo Trần Thị H, thực hiện hành vi không nhằm mục đích kiếm lời và không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo H.

[7] Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo Trần Thị D khai nhận mua của người đàn ông tên là HH1, bị cáo không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể. Do không xác định rõ lai lịch và địa chỉ cụ thể của người đàn ông tên HH1 nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý trong vụ án này.

[8] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Toàn bộ số ma túy còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định, vỏ phong bì niêm phong, hộp giấy đã mở niêm phong, túi nilon và băng dính màu đen là vật cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; Đối với số tiền và giấy tờ, tài sản, đồ vật khác thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng thu giữ tại phòng ngủ của bị cáo Trần Thị H, trong đó có 5.000.000 (năm triệu) đồng là khoản tiền đặt cọc của anh Q để mua nhà của H, tại phiên tòa bị cáo và anh Q thống nhất trả lại số tiền đó cho anh Q. Do đó, trả lại cho anh Q số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị D (tên gọi khác D1) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Thị H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Thị D (tên gọi khác D1) 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt là ngày 05 tháng 11 năm 2017.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7, điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt là ngày 04 tháng 11 năm 2017.

- Về việc xử lý vật chứng và giấy tờ, tài sản thu giữ: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và căn cứ vào khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 37,36 (ba mươi bảy phẩy ba sáu) gam Heroine được niêm phong trong một phong bì niêm phong vật chứng; 09 vỏ phong bì, 01 hộp giấy, nilon và băng dính màu đen.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị H 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG có thẻ sim số thuê bao 0987340957 và 01 túi sách màu đen.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị D 15.485.000 (mười lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn) đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị D, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG có thẻ sim số thuê bao 01649012082 và 01 túi sách màu đỏ.

Trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

(Toàn bộ số vật chứng và tài sản thu giữ nêu trên có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái).

- Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thị D (tên gọi khác D1) và Trần Thị H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Các bị cáo (Trại tạm giam);
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi liên quan;
- THAHS (5);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Trần Việt Hà